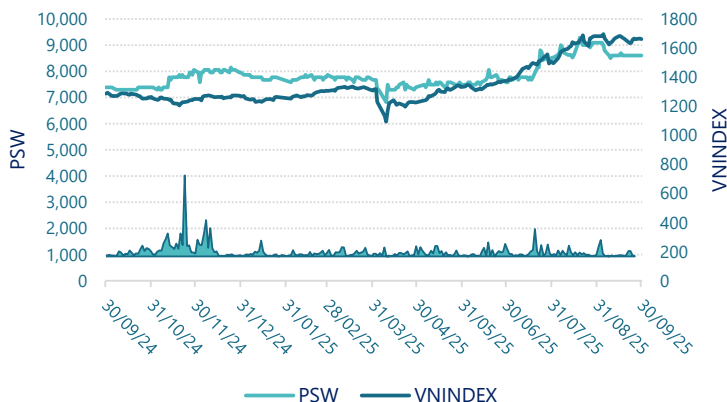


CTCP Phân bón và Hóa chất dầu khí Tây Nam Bộ (HNX: PSW)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	8,600
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	9,290
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	6,825
SL cổ phiếu LH	17,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	28,675
% sở hữu nước ngoài	0.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	146
P/E	6.4
EPS	1,337

DT thuần

Q3/25

634

tỷ VNĐ

QoQ: ▼370| -36.8%

YoY: ▲ 68.0| 12.1%

LN sau thuế

Q3/25

2.56

tỷ VNĐ

QoQ: ▼8.84| -77.6%

YoY: ▼1.35| -34.6%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

0.6%

+/- YoY: ▼ 0.3%

DT thuần

9T 2025

2,592

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 723| 38.7%

LN sau thuế

9T 2025

18.4

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 13.3| 261%

ROE

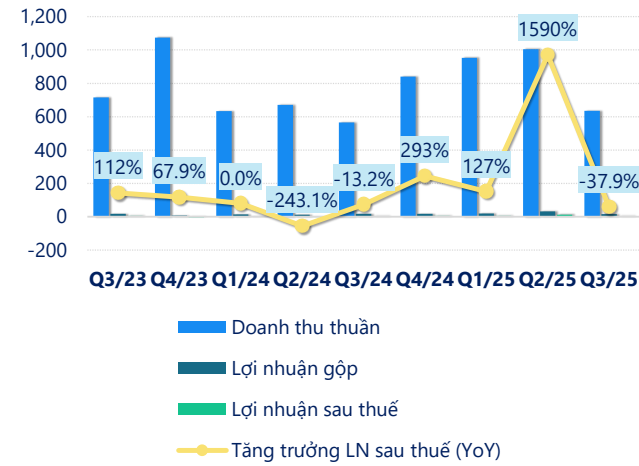
Q3/25

11.2%

+/- YoY: ▲ 10.2%

tỷ VNĐ

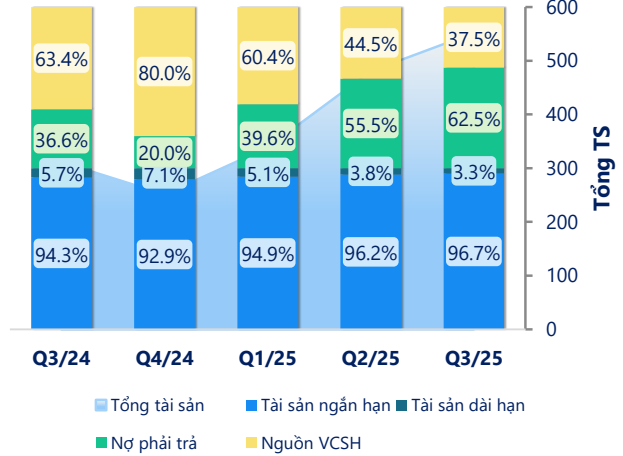
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

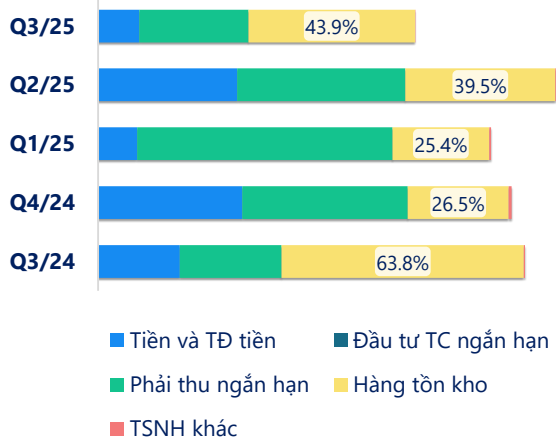
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



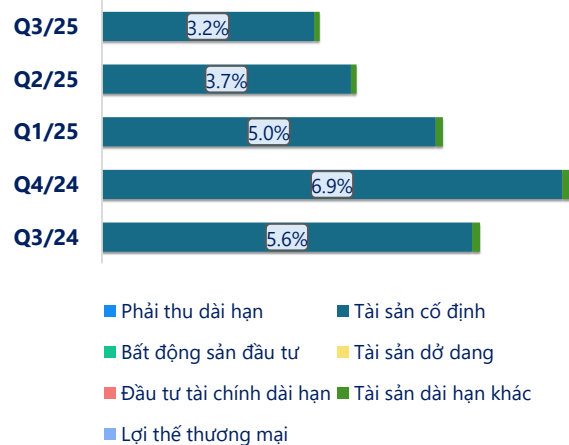
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

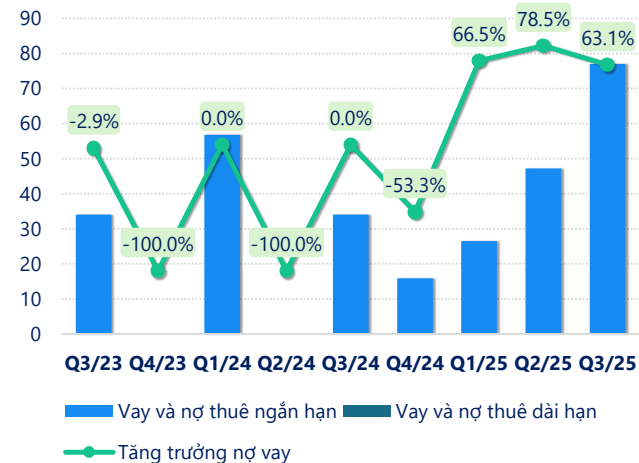
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

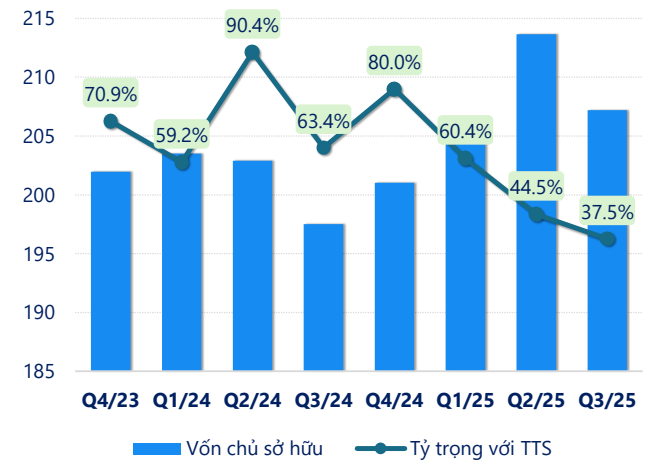
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



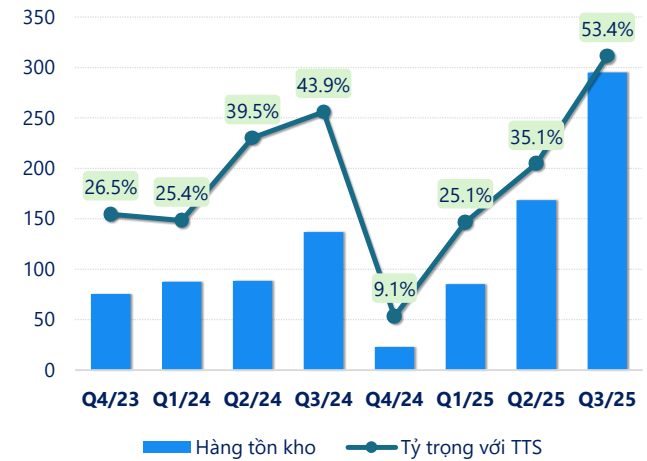
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn

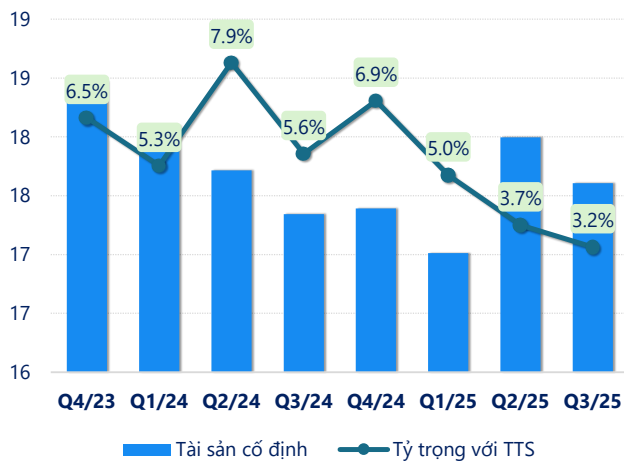

(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


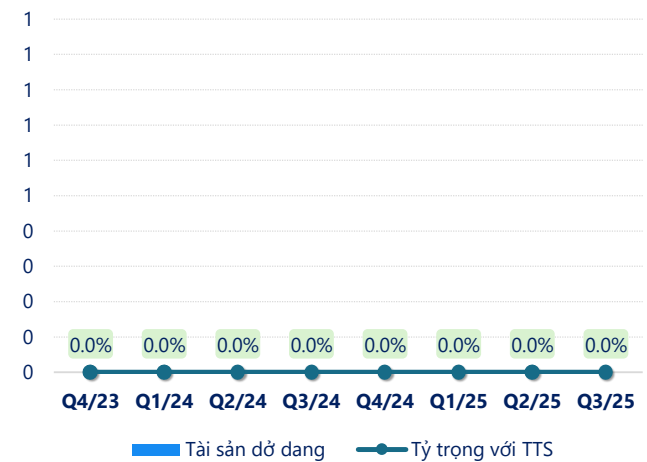
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

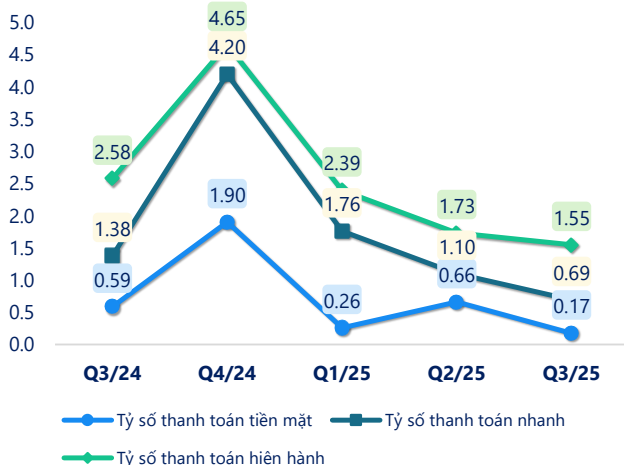
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	312	251	339	480	552
Tài sản ngắn hạn	294	233	321	462	534
Tiền và tương đương tiền	67.1	95.4	34.9	176	59.8
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	48.0
Phải thu ngắn hạn	89.6	115	201	117	124
Hàng tồn kho	137	22.9	85.2	168	295
Tài sản ngắn hạn khác	0.37	0.14	0.15	0.14	7.52
Tài sản dài hạn	17.7	17.7	17.4	18.4	18.1
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	17.3	17.4	17.0	18.0	17.6
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	0.38	0.34	0.36	0.41	0.47
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	114	50.2	134	267	345
Nợ ngắn hạn	114	50.2	134	267	345
Vay và nợ thuê ngắn hạn	34.0	15.9	26.5	47.2	77.0
Phải trả người bán ngắn hạn	1.54	4.82	24.0	140	214
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	198	201	205	214	207
Vốn chủ sở hữu	198	201	205	214	207
Vốn điều lệ	170	170	170	170	170
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)